

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2021

*“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Phường.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đào Văn Hiến.**

2. Bà **Hồ Thị Thủy.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 07 tháng 7, ngày 04 tháng 08, ngày 01, 22 tháng 9 và ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị L**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp X, xã TX, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Văn A**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp X, xã TX, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh A do mai mối nên quen biết nhau và cưới nhau năm 1988, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười vào ngày 23/10/2002. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng những năm đầu cũng hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát

sinh nhiều mâu thuẫn, lý do anh A gần đây thay đổi tính tình, anh A có nhiều mối quan hệ bên ngoài không rõ ràng, chị khuyên nhiều lần nhưng anh A cũng không nghe trong khi vợ chồng không còn nhỏ tuổi, con cái đã lớn. Không những vậy anh A còn thường xuyên kiểm chuyện chửi bới, đánh đập chị, thương con muốn níu kéo gia đình nên chị cố gắng cho đến nay. Nhưng nay chị cảm thấy chồng chị không hề thay đổi mà vẫn chứng nào tật nấy, cả hai vợ chồng đều mệt mỏi vì cả hai không tìm được tiếng nói chung trong gia đình và sức chịu đựng của chị đến nay không còn nữa. Chị và anh A đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay. Nay chị nhận thấy hạnh phúc hôn nhân không còn níu kéo được nữa, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh A. Đồng thời, chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu cầu Tòa án xử lý hình sự gì đối với anh A.

- Về quan hệ nuôi con: Có 05 con chung tên Đặng Thị Bé H, sinh năm 1992, Đặng Thị Bé B, sinh năm 1992, Đặng Thị Phượng Li, sinh năm 1994, Đặng Văn Bé N, sinh năm 1997, Đặng Hoài P, sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Theo đơn khởi kiện thì chị trình bày về nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị thay đổi trình bày là về nợ không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Chị cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ chị và anh A thì chị xin chịu trách nhiệm cùng với anh A.

** Theo ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Đặng Văn A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L do mai mối nên quen biết nhau và cưới nhau vào năm 1988 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân vào ngày 23/10/2002. Anh không thống nhất lời trình bày của chị L về nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn, anh không có quan hệ với người khác ở bên ngoài như lời trình bày của chị L, do chị L có quan hệ với người khác ở bên ngoài nên muốn ly hôn với anh. Trước đây anh thừa nhận cũng có đánh chị L, nhưng thời gian sau này anh không có đánh đập, chửi bới chị L. Hiện tại anh và chị L đã sống ly thân nhau theo như lời trình bày của chị L. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ con muốn hàn gắn hôn nhân, tính đến thời điểm này anh chưa có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh sẽ cố gắng năn nỉ chị L.

- Về quan hệ nuôi con: Có 05 con chung tên Đặng Thị Bé H, sinh năm 1992, Đặng Thị Bé B, sinh năm 1992, Đặng Thị Phượng Li, sinh năm 1994, Đặng Văn Bé N, sinh năm 1997, Đặng Hoài P, sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì về tài sản vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Anh cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ anh và chị L thì anh xin chịu trách nhiệm cùng với chị L.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

- + Trích lục kết hôn (bản sao);
- + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo);
- + 02 giấy khai sinh con chung (bản sao);
- + 03 trích lục khai sinh con chung (bản sao).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 03 tháng 6 năm 2021.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Về quan hệ nuôi con, về quan hệ tài sản và về quan hệ nợ.

** Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Về quan hệ hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị L về việc yêu cầu được ly hôn với anh A. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp X, xã TX, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 434/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân là ông Nguyễn Văn Tuấn và ông Lê Văn Vững. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Tuấn và ông Vững bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Đào Văn Hiến và bà Hồ Thị Thủy là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Các đương sự thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh A do mai mối, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Xuân và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/10/2002. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì chị L và anh A hạnh phúc thời gian đầu, thời gian gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì chị L và anh A đều thống nhất trình bày là khoảng thời gian chung sống (trước khi ly thân) thì anh A khi có rượu trong người thường hay chửi bới, đánh đập chị L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, theo chị L trình bày thì anh A còn không chung thủy, có nhiều mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng đây chỉ là chị trình bày chứ chị không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày này của mình, còn anh A không thừa nhận có việc này. Đồng thời, vợ chồng đã ly thân từ tháng 08/2020 đến nay, từ khi ly thân đến nay thì vợ chồng không có nói chuyện gì với nhau, cuộc sống của ai người đó nấy lo. Xét thấy, trong thời gian chung sống anh A khi có rượu trong người thường hay chửi bới, đánh đập chị L là đã có hành vi bạo lực gia đình. Đồng thời, chị L và anh A đã ly thân nhau từ tháng 08/2020 đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm gì, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không ai chăm sóc cho ai là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Đồng thời, mặc dù anh A trình bày không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L nhưng anh A không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, còn chị L thì xác định không còn tình nghĩa gì với anh A và cương quyết xin ly hôn với anh A. Chị L và anh A thống nhất trình bày hiện nay vợ chồng vẫn đang ly thân, cuộc sống ai người đó lo. Do đó, có đủ cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa chị L và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống chị L và anh A có 05 con chung tên Đặng Thị Bé H, sinh năm 1992; Đặng Thị Bé B, sinh năm 1992; Đặng Thị Phượng Li, sinh năm 1994; Đặng Văn Bé N, sinh năm 1997; Đặng Hoài P, sinh năm 2002. Đối với các con đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên chị L và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Chị L và anh A trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Chị L và anh A trình bày không có nợ ai, cũng không cho ai nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn

để xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Đối với việc chị L và anh A trình bày trong thời gian chung sống khi có rượu trong người thì anh A thường hay chửi bới, đánh đập chị L và nhiều lần gây thương tích cho chị L nhưng vết thương không nặng, chị L tự điều trị tại nhà. Ngoài ra, chị L còn trình bày là anh A còn không chung thủy, có nhiều mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng đây chỉ là chị trình bày chứ chị không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày này của mình, còn anh A không thừa nhận có việc này. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L không yêu cầu xử lý hình sự gì mà chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết việc chị xin ly hôn với anh A. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm thì các đương sự xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì các đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[7] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị Lang phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L được ly hôn với anh Đặng Văn A.

2. Về quan hệ nuôi con: Đối với các con chung đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí:

Chị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011596, ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Trường Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Thi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Hiến – Hồ Thị Thủy

Nguyễn Minh Phường

